

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Rượu Hapro trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Rượu Hapro (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 27 tháng 02 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 32.978.600.000 VND (Ba mươi hai tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông	Trần Vũ Tuấn	Chủ tịch
Ông	Phạm Ngọc Quý	Thành viên
Ông	Phạm Xuân Hà	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông	Đình Tiến Thành	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020)
Ông	Trần Vũ Tuấn	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 28 tháng 04 năm 2020, Công ty bổ nhiệm ông Đình Tiến Thành làm Giám đốc Công ty thay cho ông Trần Vũ Tuấn. Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đinh Tiến Thành

Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2020

Số: 522/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020
của Công ty Cổ phần Rượu Hapro

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Rượu Hapro

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Rượu Hapro được lập ngày 27 tháng 05 năm 2020, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí trả trước cần phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Số chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn phân bổ không đầy đủ, không đúng thời gian quy định lần lượt là 5.621.470.344 đồng và 1.480.873.838 đồng. Nếu ghi nhận đầy đủ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 04 năm 2019 và 31 tháng 03 năm 2020 sẽ giảm 7.102.344.182 đồng.

Với những tài liệu Công ty cung cấp, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các tài sản đang được phản ánh trên khoản mục "Tài sản thiếu chờ xử lý" trên Bảng Cân đối kế toán tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2020 với giá trị 3.188.013.102 đồng (tại 31 tháng 03 năm 2019 là 3.188.013.102 đồng). Do đó, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi của các tài sản thiếu này tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2020 cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 của Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 6.3-Thông tin về hoạt động liên tục, tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 Công ty có nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 178.995.879 đồng, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc cùng ngày lần lượt là (1.682.312.113) đồng và (34.803.143) đồng. Thực tế này cho thấy tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban giám đốc đã thực hiện đánh giá vấn đề này và xây dựng Phương án khắc phục và Ban giám đốc tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 12/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2020

Vũ Xuân Hùng
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/03/2020	01/04/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.939.105.974	11.861.857.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	145.995.440	179.948.997
1. Tiền	111		145.995.440	179.948.997
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.773.857.333	4.646.830.683
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	946.458.550	918.954.550
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	53.927.526	54.477.526
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	484.412.705	485.385.505
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(898.954.550)	-
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.4	3.188.013.102	3.188.013.102
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	1.356.167.091	1.370.541.346
1. Hàng tồn kho	141		1.893.639.919	1.908.014.174
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(537.472.828)	(537.472.828)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.663.086.110	5.664.536.934
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	5.654.956.920	5.655.586.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	821.244
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	8.129.190	8.129.190
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.817.250.861	16.745.439.398
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.873.947.904	7.577.528.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	6.873.947.904	7.575.091.217
- Nguyên giá	222		14.607.833.877	14.607.833.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.733.885.973)	(7.032.742.660)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	2.437.537
- Nguyên giá	228		79.500.000	79.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(79.500.000)	(77.062.463)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	522.064.418	522.064.418
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		522.064.418	522.064.418
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.421.238.539	8.645.846.226
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	8.421.238.539	8.645.846.226
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.756.356.835	28.607.297.358

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/03/2020	01/04/2019
			VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		11.118.101.853	11.286.730.263
I. Nợ ngắn hạn	310		11.118.101.853	11.286.730.263
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	6.340.845.407	6.287.651.435
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.102.367.395	1.110.374.523
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.168.969	877.410
4. Phải trả người lao động	314		530.579.843	487.560.317
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	50.000.000	50.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.892.140.239	2.150.266.578
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	1.200.000.000	1.200.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.638.254.982	17.320.567.095
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	15.638.254.982	17.320.567.095
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.978.600.000	32.978.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.978.600.000	32.978.600.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.340.345.018)	(15.658.032.905)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(15.658.032.905)	(14.425.445.124)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.682.312.113)	(1.232.587.781)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.756.356.835	28.607.297.358
(440=300+400)				

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2020

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Nguyễn Thị Hương



Đặng Thị Tuyết



Đinh Tiên Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ ngày 01/04/2019	Từ ngày 01/04/2018
			đến 31/03/2020	đến 31/03/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	1.106.853.928	899.272.289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.106.853.928	899.272.289
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	747.564.124	818.404.461
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		359.289.804	80.867.828
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	849.586	1.017.776
7. Chi phí tài chính	22	5.22	44.120.544	135.099.898
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.120.544	47.937.749
8. Chi phí bán hàng	25	5.23	7.019.088	3.249.996
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	1.999.302.999	1.312.563.753
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.690.303.241)	(1.369.028.043)
11. Thu nhập khác	31	5.24	7.991.128	251.963.668
12. Chi phí khác	32	5.25	-	115.523.406
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7.991.128	136.440.262
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.682.312.113)	(1.232.587.781)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.682.312.113)	(1.232.587.781)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	(510,12)	(373,75)

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2020

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Nguyễn Thị Hương



Đặng Thị Tuyết



Đinh Tiên Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020 Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.202.355.256	1.063.654.000
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(152.708.784)	(255.803.351)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(491.167.160)	(663.701.865)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		115.599.451	62.022.970
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(708.881.906)	(588.519.307)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(34.803.143)</i>	<i>(382.347.553)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	260.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		849.586	1.017.776
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>849.586</i>	<i>261.017.776</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(33.953.557)	(121.329.777)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		179.948.997	301.278.774
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		145.995.440	179.948.997

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2020

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Nguyễn Thị Hương

Đặng Thị Tuyết

Đình Tiến Thành

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Rượu Hapro (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 27 tháng 02 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 27/02/2017 là 32.978.600.000 VND (Ba mươi hai tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh cồn, rượu các loại (Không bao gồm kinh doanh quán Bar); Kinh doanh nước uống tinh khiết; Bán buôn đồ uống có cồn (Bán buôn rượu mạnh, bán buôn rượu vang, bán buôn bia); Mua rượu vang ở dạng thùng rồi đóng chai mà không làm thay đổi thành phần của rượu; Rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn (Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt; có hoặc không có ga như: coca cola; pepsi cola; nước cam, chanh, nước quả khác; bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân phối vào đâu, chi tiết: Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, bao bì dùng cho ngành thực phẩm;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh, chi tiết: Sản xuất, chế biến rượu, cồn công nghiệp và y tế; sản xuất, chế biến cồn, rượu thực phẩm;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: sản xuất nước uống tinh khiết;
- Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: vận hành hàng hóa đường bộ bằng ô tô;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn chuyên giao công nghệ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt, cung cấp thiết bị, dây chuyền sản xuất cồn, rượu;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm sinh vệ sinh; Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn tổng hợp;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Nhà hàng và các dịch ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ đóng gói (Không bao gồm sang chai đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê kho bãi.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: kinh doanh cồn, rượu và cho thuê mặt bằng.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, Công ty không có công ty con, công ty liên doanh liên kết.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc 31/03/2020 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.